



Thứ hai, ngày 12 tháng 11 năm 2018

Vietnam Daily Review

Phiên hồi phục

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 13/11/2018		•	
Tuần 12/11-16/11/2018		•	
Tháng 11/2018		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index biến động tăng ở phiên sáng, ở phiên chiều, chỉ số tăng mạnh.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm SAB (+1.42 điểm); GAS (+0.95 điểm); BID (+0.53 điểm); BVH (+0.41 điểm); MWG (+0.40 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm VJC (-0.28 điểm); MSN (-0.25 điểm); HDB (-0.24 điểm); CTG (-0.17 điểm); EIB (-0.09 điểm).
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu thương mại và thủy sản, thanh khoản giảm so với phiên trước.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 2,114.9 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 15.04 điểm. Thị trường có 123 mã tăng và 162 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 3.83 điểm, đóng cửa tại 918.12 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index tăng 0.36 điểm xuống 103.37 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã bán ròng 224,54 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã VIC (220.56 tỷ), HPG (18.24 tỷ) và GAS (11.38 tỷ). Tuy nhiên, họ đã mua ròng 30.16 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Trong phiên sáng, chỉ số VN-Index rung lắc, kết phiên giảm điểm nhẹ với lực bán xuất hiện ở một số cổ phiếu bluechips: SAB, GAS, MWG, VRE và nhóm cổ phiếu bảo hiểm: BVH, BHN. Đến phiên chiều, chỉ số VN-Index quay đầu hồi phục từ giữa phiên và có mức tăng nhẹ do lực mua được cải thiện so với phiên sáng đặc biệt là sự quay đầu hỗ trợ thị trường của các mã NVL, VIC, VCB và BID và đã giảm được thu hẹp ở các mã VNM, MSN. Khối ngoại quay đầu bán ròng. Theo quan điểm BSC, mặc dù ngược chiều với chỉ số MSCI, thị trường trong nước có một phiên kết thúc tích cực tăng điểm cùng chiều với thị trường Trung Quốc và Úc nhờ lực bắt đáy mạnh của các nhà đầu tư.

Phân tích kỹ thuật:

HT1_Tích lũy

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Trần Thành Hưng

hungtt@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX 918.12

Giá trị: 2114.9 tỷ 3.83 (0.42%)

Khối ngoại (ròng): -224.54 tỷ

HNX-INDEX 103.37

Giá trị: 380.61 tỷ 0.36 (0.35%)

Khối ngoại (ròng): 30.16 tỷ

UPCOM-INDEX 51.66

Giá trị: 224.6 tỷ 0.07 (0.14%)

Khối ngoại (ròng): 17.37 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	61.0	1.38%
Giá vàng	1,206	-0.32%
Tỷ giá USD/VND	23,298	-0.03%
Tỷ giá EUR/VND	26,198	-0.83%
Tỷ giá JPY/VND	20,426	-0.23%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	4.8%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SBT	13.2	VIC	220.6
GMD	12.8	HPG	18.2
SSI	7.9	GAS	11.4
KBC	5.0	VJC	8.0
VSC	4.7	NVL	6.9

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Danh mục khuyến nghị	Trang 3
Cổ phiếu lớn	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

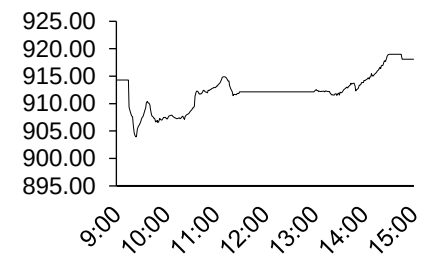
Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
PVS	4.6	18.9	15	20	NGỪNG MUA	Tăng giá trong dài hạn
VNM	3.0	117.0	112	121	MUA	Giảm giá kéo dài
VIC	3.0	95.9	90	100	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
SBT	3.0	22.6	20	23	MUA	Tăng giá kéo dài
HDB	2.6	32.0	30	40	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
STB	2.4	12.2	12	13	NGỪNG MUA	Điều chỉnh trong trung hạn
ROS	2.1	37.1	35	39	NGỪNG MUA	Giảm giá kéo dài
ASM	1.9	10.7	10	11	NGỪNG MUA	Giảm giá kéo dài
BID	1.8	32.2	28	34	NGỪNG MUA	Điều chỉnh trong trung hạn
GAS	1.8	96.6	96	104	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài

Lê Quốc Trung

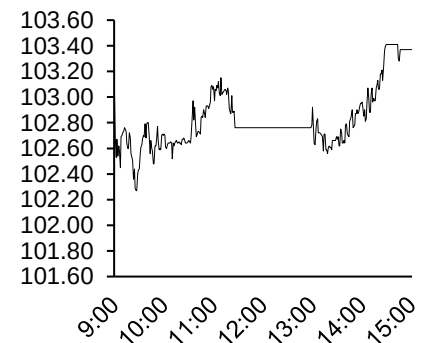
trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1811	885.0	0.6%	-4.0%
VN30F1812	882.1	0.2%	164.4%
VN30F1903	881.8	0.1%	96.9%
VN30F1906	882.3	0.1%	26.5%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MWG	110	3.8	1.3
SAB	233	3.1	1.1
FPT	42	1.7	0.5
NVL	71	0.9	0.3
VPB	20	0.5	0.3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VJC	129	-1	-0.7
MSN	84	-1	-0.6
STB	12	-1	-0.4
MBB	21	0	-0.2
CTD	148	-1	-0.2

Phân tích kỹ thuật

HT1_Tích lũy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá trung hạn, tích lũy ngắn hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Duy trì dưới mức 0
- Chỉ báo RSI: Chạm Bollinger trên
- MA: MA20 nằm giữa MA50 và MA100

Nhận định: HT1 là cổ phiếu thuộc ngành Vật liệu xây dựng đang trong xu hướng tích lũy ngắn hạn. Chỉ báo RSI vừa chạm kênh Bollinger trên, chỉ báo MACD duy trì dưới mức 0. Hai mức cản gần nhất được xác định tại vùng giá 13.3 và 11.9. Giá cổ phiếu từ vùng giá trị do MA50 và MA100 tạo ra cắt lên phía trên, kết hợp với những ngọn nến Engulfing tăng liên tiếp được tạo ra cho thấy nhiều khả năng xu hướng điều chỉnh, tích lũy sẽ kết thúc sớm.

Created with Amibroker - advanced charting and technical analysis software. <http://www.amibroker.com>

Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	REE	20/7/2018	32.70	31.15	-4.7%	30.1	37.6
2	HT1	22/8/2018	12.60	13.10	4.0%	11.6	14.5
3	PTB	10/4/2018	64.00	60.40	-5.6%	58.9	73.6
Trung bình					-2.1%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	MBB	27/4/2015	13.8	20.80	50.7%	34.4	37.1
2	HPG	28/10/2016	25.5	37.55	47.4%	24.2	43.5
3	HCM	18/09/2017	41.9	56.50	34.8%	39.8	60.0
Trung bình					44.3%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	PVT	23/06/2016	11.1	17.0	52.7%	17.0	22.7
2	TCB	31/10/2018	26.9	26.3	-2.2%	25.0	30.0
Trung bình					25.2%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	110.0	3.8%	0.7	1,544	1.4	8,641	12.7	4.4	49.0%	41.2%	
PNJ	Bán lẻ	95.0	1.1%	1.0	670	0.6	5,428	17.5	4.6	49.0%	30.0%	
BVH	Bảo hiểm	97.6	2.0%	1.3	2,974	0.4	1,728	56.5	4.7	24.8%	8.4%	
PVI	Bảo hiểm	31.8	0.0%	0.8	320	0.1	2,265	14.0	1.1	43.9%	7.8%	
VIC	Bất động sản	95.9	0.0%	1.0	13,308	3.0	1,366	70.2	5.6	9.7%	10.3%	
VRE	Bất động sản	30.9	0.2%	1.1	3,129	0.8	646	47.9	2.8	31.4%	5.7%	
NVL	Bất động sản	70.7	0.9%	0.8	2,789	0.6	2,368	29.9	3.7	7.8%	14.2%	
REE	Bất động sản	31.2	-0.2%	1.1	420	0.3	5,068	6.1	1.1	49.0%	19.1%	
DXG	Bất động sản	24.7	-1.4%	1.5	375	1.5	3,042	8.1	1.9	47.2%	25.9%	
SSI	Chứng khoán	28.3	1.8%	1.4	614	2.3	2,899	9.8	1.5	57.7%	15.8%	
VCI	Chứng khoán	53.5	1.5%	1.0	379	0.1	4,289	12.5	2.9	41.4%	30.5%	
HCM	Chứng khoán	56.5	4.6%	1.4	318	0.4	6,094	9.3	2.4	62.0%	27.8%	
FPT	Công nghệ	42.0	1.7%	0.9	1,119	0.5	5,322	7.9	2.2	49.0%	28.9%	
FOX	Công nghệ	51.5	0.0%	0.4	506	0.0	3,453	14.9	3.8	0.2%	26.5%	
GAS	Dầu khí	96.6	1.7%	1.5	8,039	1.8	6,473	14.9	4.4	3.5%	30.6%	
PLX	Dầu khí	57.8	1.4%	1.5	2,912	1.0	3,285	17.6	3.4	11.0%	19.5%	
PVS	Dầu khí	18.9	6.2%	1.8	393	4.6	1,747	10.8	0.8	20.6%	7.8%	
BSR	Dầu khí	16.0	2.6%	0.8	2,157	1.0	#N/A	N/A	N/A	N/A	35.2%	23.0%
DHG	Dược	84.7	-0.1%	0.5	481	0.2	4,037	21.0	3.8	49.2%	18.3%	
DPM	Hóa chất	18.5	0.0%	0.9	314	0.2	1,492	12.4	0.9	21.1%	8.1%	
DCM	Hóa chất	9.6	0.0%	0.7	220	0.1	997	9.6	0.8	4.0%	8.6%	
VCB	Ngân hàng	54.6	0.6%	1.3	8,541	1.6	3,360	16.2	3.2	20.8%	20.9%	
BID	Ngân hàng	32.2	1.6%	1.7	4,786	1.8	2,401	13.4	2.2	2.8%	17.4%	
CTG	Ngân hàng	22.5	-0.7%	1.6	3,634	2.3	2,064	10.9	1.2	30.0%	11.7%	
VPB	Ngân hàng	20.5	0.5%	1.2	2,184	5.1	2,820	7.3	1.7	23.2%	26.9%	
MBB	Ngân hàng	20.8	-0.5%	1.2	1,954	1.5	2,366	8.8	1.4	20.0%	17.4%	
ACB	Ngân hàng	28.7	0.0%	1.2	1,556	2.2	3,498	8.2	1.8	34.3%	25.0%	
BMP	Nhựa	56.1	-1.1%	0.9	200	0.1	5,586	10.0	1.8	77.4%	18.5%	
NTP	Nhựa	42.0	-0.5%	0.5	163	0.0	3,938	10.7	1.7	23.1%	16.6%	
MSR	Tài nguyên	20.9	-0.5%	1.2	817	0.0	229	91.3	1.6	2.1%	1.8%	
HPG	Thép	37.6	-0.1%	0.9	3,468	4.6	4,334	8.7	2.1	39.5%	26.7%	
HSG	Thép	8.1	-2.1%	1.4	136	1.1	1,065	7.6	0.6	17.5%	8.0%	
VNM	Tiêu dùng	117.0	0.0%	0.6	8,859	3.0	4,997	23.4	8.0	58.8%	35.2%	
SAB	Tiêu dùng	233.0	3.1%	0.8	6,496	0.5	6,902	33.8	9.0	9.8%	28.5%	
MSN	Tiêu dùng	83.6	-0.8%	1.2	4,228	0.9	5,416	15.4	5.0	40.3%	30.9%	
SBT	Tiêu dùng	22.6	0.9%	0.7	486	3.0	869	26.0	1.8	9.8%	11.3%	
ACV	Vận tải	82.6	2.7%	0.8	7,819	0.2	1,883	43.9	6.6	3.6%	15.9%	
VJC	Vận tải	129.2	-1.3%	1.1	3,042	2.6	9,463	13.7	6.6	23.9%	67.1%	
HVN	Vận tải	32.9	-2.1%	1.7	1,786	0.5	1,727	19.1	2.7	9.2%	14.6%	
GMD	Vận tải	28.2	1.6%	0.9	363	1.4	6,311	4.5	1.5	46.2%	30.8%	
PVT	Vận tải	17.0	-0.3%	0.8	207	0.1	2,165	7.8	1.3	34.4%	16.7%	
VCS	Vật liệu xây dựng	74.8	-0.3%	1.0	520	1.3	5,620	13.3	4.3	2.6%	43.2%	
VGC	Vật liệu xây dựng	16.0	0.6%	0.9	312	0.4	1,179	13.6	1.2	24.8%	8.7%	
HT1	Vật liệu xây dựng	13.1	1.6%	0.8	217	0.1	1,599	8.2	1.0	5.0%	12.2%	
CTD	Xây dựng	147.7	-1.5%	0.8	502	0.1	20,202	7.3	1.4	44.4%	21.1%	
VCG	Xây dựng	18.8	0.0%	1.3	361	0.7	2,384	7.9	1.3	10.9%	17.6%	
CII	Xây dựng	25.2	0.2%	0.6	268	0.4	332	75.8	1.2	54.7%	1.7%	
POW	Điện	13.9	0.7%	0.6	1,415	0.3	1,026	13.6	1.2	71.9%	9.1%	
NT2	Điện	25.7	1.0%	0.6	322	0.1	2,874	8.9	2.0	21.7%	19.8%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	233.00	3.14	1.42	50480.00
GAS	96.60	1.68	0.96	438100.00
BID	32.20	1.58	0.53	1.33MLN
BVH	97.60	1.99	0.42	88770.00
MWG	110.00	3.77	0.40	304040.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VJC	129.20	-1.30	-0.29	457730.00
MSN	83.60	-0.83	-0.25	241050.00
HDB	32.00	-2.44	-0.25	1.84MLN
CTG	22.45	-0.66	-0.17	2.37MLN
EIB	13.40	-1.83	-0.10	123790.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DTT	10.40	7.00	0.00	20.00
ANV	29.85	6.99	0.08	685800.00
ACL	36.90	6.96	0.02	141600.00
NAV	6.92	6.96	0.00	50.00
VPK	3.85	6.94	0.00	16740.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BTP	11.30	-8.13	-0.02	8200.00
UDC	5.58	-7.00	-0.01	40360.00
HAI	2.53	-6.99	-0.01	3.81MLN
VNL	16.65	-6.98	0.00	10.00
DCL	10.00	-6.98	-0.01	51080.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	18.90	6.18	0.27	5.82MLN
CEO	13.10	3.97	0.05	1.27MLN
VIX	9.70	4.30	0.03	121400.00
TNG	18.10	4.02	0.03	882600.00
HGM	43.40	9.87	0.02	100.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PGS	31.00	-3.13	-0.03	300.00
HUT	4.30	-2.27	-0.02	1.52MLN
SJE	24.50	-8.58	-0.02	300.00
KLF	2.00	-4.76	-0.02	461700.00
SJ1	14.00	-9.68	-0.01	300.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

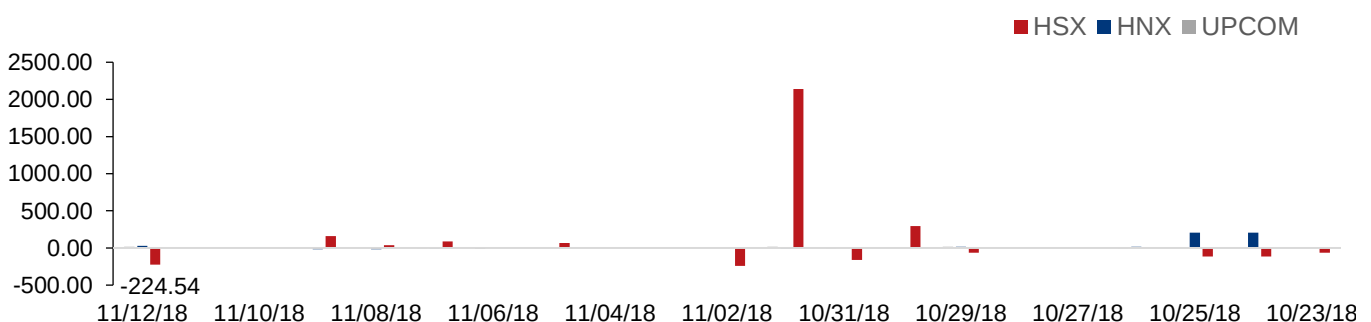
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ITQ	4.40	10.00	0.01	828800.00
RCL	21.00	9.95	0.01	100.00
KTS	15.50	9.93	0.01	100.00
BTW	13.30	9.92	0.00	100.00
BDB	8.90	9.88	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVV	0.60	-14.29	0.00	25100.00
SPI	0.80	-11.11	0.00	245500.00
DCS	0.90	-10.00	-0.01	36400.00
PSE	7.20	-10.00	0.00	100.00
ARM	47.00	-9.96	0.00	500.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
2	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
5	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
6	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
8	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
9	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11	Phân tích vĩ mô		Click	
10	Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng	Phân tích vĩ mô		Click	
11	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
13	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
14	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
17	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	15.1	157	96.0	1.3	Click	
2	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	25.7	2,874	8.9	2.0	Click	
3	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	13.4	1,102	12.2	1.1	Click	
4	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	27.0	-2,092	#N/A	2.2	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	28.7	3,498	8.2	1.8	Click	
6	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	40.2	5,746	7.0	1.3	Click	
7	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	14.3	1,087	13.1	1.2	Click	
8	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	17.0	2,165	7.8	1.3	Click	
9	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	37.6	4,334	8.7	2.1	Click	
10	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	24.7	3,042	8.1	1.9	Click	
11	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	18.1	3,200	5.7	1.2	Click	
12	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	30.8	5,796	5.3	1.7	Click	
13	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	42.0	5,322	7.9	2.2	Click	
14	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	54.6	3,360	16.2	3.2	Click	
15	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	18.9	1,747	10.8	0.8	Click	
16	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	20.8	2,366	8.8	1.4	Click	
17	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	147.7	20,202	7.3	1.4	Click	
18	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	5.5	-370	#N/A	0.4	Click	
19	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	86.8	18,132	4.8	1.3	Click	
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	95.0	5,428	17.5	4.6	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

